

Số: **3337**/NHCS-TDSV

Hà Nội, ngày **30** tháng 9 năm 2014

HƯỚNG DẪN

Nghiệp vụ cho vay đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương theo Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg ngày 26/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg ngày 26/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ về về tín dụng đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương (gọi tắt là Quyết định 29/2014/QĐ-TTg).

Căn cứ Quyết định số 1150/QĐ-LĐTBXH ngày 09/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc phê duyệt danh sách 15 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm về tín dụng đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương theo Quyết định 29/2014/QĐ-TTg ngày 26/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) hướng dẫn thủ tục và quy trình nghiệp vụ cho vay đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương như sau:

1. Phạm vi và thời gian thực hiện

Theo Quyết định số 1150/QĐ-LĐTBXH ngày 09/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội từ năm 2014 - 2016 thực hiện thí điểm tại 15 tỉnh, thành phố gồm: Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, Hòa Bình, Thành phố Hà Nội, Thành phố Hải Phòng, Thanh Hóa, Nghệ An, Thành phố Đà Nẵng, Quảng Nam, Đắk Lắk, Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Cần Thơ, Hậu Giang, Bạc Liêu.

2. Mục đích vay vốn

a) Mua sắm các loại vật tư, vật nuôi, thức ăn gia súc gia cầm, công cụ lao động, hàng hóa, phương tiện phục vụ kinh doanh, buôn bán.

b) Đầu tư làm các nghề thủ công trong hộ gia đình như: Mua nguyên vật liệu sản xuất, công cụ lao động, máy móc, thiết bị.

c) Góp vốn thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh với cá nhân, tổ chức khác.

3. Đối tượng vay vốn

a) Cá nhân vay vốn

- Người nhiễm HIV;
- Người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;
- Người bán dâm hoàn lương.

b) Hộ gia đình vay vốn

Là hộ gia đình có thành viên thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Người nhiễm HIV/AIDS;
- Người sau cai nghiện ma túy;
- Người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế;
- Người bán dâm hoàn lương.

c) Trường hợp cá nhân, hộ gia đình (sau đây gọi chung là người vay) thuộc đối tượng vay vốn tại Điểm a, b Khoản 3 văn bản này, nếu đồng thời là đối tượng được vay vốn từ các chương trình ưu đãi khác tại NHCSXH thì chỉ được xem xét cho vay vốn theo văn bản này hoặc một trong các chương trình ưu đãi khác tại NHCSXH.

4. Điều kiện vay vốn

a) Đối với người vay là cá nhân

- Điều kiện về nhân thân

+ Đối tượng quy định tại Tiết 1 Điểm a Khoản 3 của văn bản này phải có Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm HIV dương tính của cơ sở xét nghiệm đủ điều kiện khẳng định các trường hợp HIV dương tính;

+ Đối tượng quy định tại Tiết 2 Điểm a Khoản 3 của văn bản này đã xong thời gian dò liều, có thời gian điều trị ổn định từ 3 tháng trở lên, có xác nhận của người phụ trách cơ sở điều trị;

+ Đối tượng quy định tại Tiết 3 Điểm a Khoản 3 của văn bản này có xác nhận về việc không còn bán dâm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người đứng đầu một trong các Tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương hoặc Chủ nhiệm Câu lạc bộ, Trưởng nhóm, Trưởng mạng lưới do các Tổ chức chính trị - xã hội hoặc Tổ chức xã hội có tư cách pháp nhân thành lập.

- Cư trú hợp pháp và sinh sống ổn định tại địa phương nơi vay vốn.
- Có phương án sản xuất, kinh doanh và có khả năng trả nợ vay theo cam kết.
- Là thành viên Tổ Tiết kiệm và vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội.
- Sống một mình hoặc sống cùng con chưa đến tuổi lao động hoặc sống cùng bố, mẹ, vợ, chồng, con, ông, bà, anh, chị, em ruột nhưng những người này đã quá tuổi lao động hoặc không còn khả năng lao động theo quy định của pháp luật.

b) Đối với người vay là hộ gia đình

- Hộ gia đình có thành viên quy định tại các Tiết 1, 3, 4 Điểm b Khoản 3 của văn bản này đáp ứng một trong những điều kiện quy định tại Tiết 1 Điểm a Khoản này.

- Hộ gia đình có thành viên quy định tại Tiết 2 Điểm b Khoản 3 của của văn bản này phải có một trong các giấy tờ sau:

- + Quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại nơi cư trú.
- + Giấy xác nhận hoàn thành thời gian cai nghiện tại cơ sở cai nghiện bắt buộc.
- + Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đã chấp hành thời gian cai nghiện tại gia đình, cộng đồng từ 3 tháng trở lên.
- Cư trú hợp pháp và sinh sống ổn định tại địa phương nơi vay vốn.
- Có phương án sản xuất, kinh doanh và có khả năng trả nợ vay theo cam kết.
- Là thành viên Tổ Tiết kiệm và vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

5. Mức cho vay

Mức cho vay căn cứ vào nhu cầu vay và khả năng trả nợ của từng cá nhân, hộ gia đình và không phải thế chấp nhưng không vượt quá mức cho vay theo quy định sau:

- a) Đối với cá nhân: mức cho vay tối đa 20 triệu đồng/cá nhân;
- b) Đối với hộ gia đình: mức cho vay tối đa 30 triệu đồng/hộ;
- c) Người vay vốn có thể vay vốn nhiều lần, nhưng tổng dư nợ không vượt quá mức cho vay tối đa theo quy định này.

6. Thời hạn cho vay

a) Trong giai đoạn thí điểm (2014 - 2016) áp dụng thời hạn cho vay tối đa là 36 tháng và từ năm 2017 trở đi áp dụng thời hạn cho vay tối đa 60 tháng.

b) Thời hạn cụ thể đối với từng người vay được xác định căn cứ vào thỏa thuận giữa Ngân hàng và khách hàng dựa trên chu kỳ sản xuất, kinh doanh và khả năng trả nợ của người vay.

7. Lãi suất cho vay

a) Lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay hộ nghèo theo từng thời kỳ do Chính phủ quy định.

b) Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 130% lãi suất cho vay.

8. Phương thức cho vay, chi trả phí dịch vụ ủy thác và hoa hồng

Cơ chế ủy thác cho vay, chi trả phí dịch vụ và hoa hồng được áp dụng theo cơ chế cho vay chương trình hộ nghèo hiện hành.

9. Hồ sơ và quy trình cho vay

a) Hồ sơ cho vay

- Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD);
- Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD);
- Biên bản họp Tổ TK&VV (mẫu số 10/TD);
- Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD);
- Sổ vay vốn.

b) Quy trình cho vay

- Người vay viết Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD) gửi Tổ TK&VV.

- Tổ TK&VV sau khi nhận hồ sơ của người vay, đối chiếu với danh sách đã được Chủ tịch UBND xã xác nhận về đối tượng vay vốn theo Quyết định 29/2014/QĐ-TTg, tiến hành họp bình xét cho vay, kiểm tra các yếu tố trên Giấy đề nghị vay vốn theo qui định của NHCSXH. Trường hợp người vay chưa là thành viên Tổ TK&VV thì Tổ TK&VV tổ chức họp để kết nạp thành viên mới. Sau đó lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) kèm giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay (mẫu số 01/TD) gửi UBND cấp xã xác nhận.

- Sau khi có xác nhận của UBND cấp xã trên Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD), Tổ trưởng Tổ TK&VV gửi bộ hồ sơ vay vốn đến NHCSXH nơi cho vay để làm thủ tục phê duyệt.

- Nhận được hồ sơ vay vốn do Tổ TK&VV gửi đến, cán bộ NHCSXH nơi cho vay được Giám đốc phân công thực hiện việc kiểm tra tính đầy đủ, đúng đắn của hồ sơ vay vốn, đối chiếu với danh sách đã được Chủ tịch UBND xã xác nhận về đối tượng vay vốn theo Quyết định 29/2014/QĐ-TTg (hoặc đơn đăng ký vay vốn được Chủ tịch UBND xã xác nhận), nếu đảm bảo các yếu tố theo quy định thì trình Giám đốc phê duyệt cho vay, đồng thời lập Thông báo kết quả phê duyệt cho vay (mẫu số 04/TD) gửi UBND cấp xã và làm thủ tục giải ngân theo quy định.

Trường hợp chưa đầy đủ các yếu tố theo quy định thì cán bộ NHCSXH hướng dẫn Tổ TK&VV làm lại hồ sơ và thủ tục theo quy định.

- UBND cấp xã thông báo cho tổ chức chính trị - xã hội cấp xã (đơn vị nhận ủy thác) để tổ chức chính trị xã hội cấp xã thông báo cho Tổ TK&VV, Tổ TK&VV thông báo cho người vay đến điểm giao dịch tại xã hoặc trụ sở NHCSXH nơi cho vay để làm thủ tục nhận tiền vay.

c) Tổ chức giải ngân, thu nợ, thu lãi, định kỳ hạn trả nợ, kiểm tra, đối chiếu nợ và xử lý vốn vay, xử lý nợ đến hạn được áp dụng như chương trình cho vay hộ nghèo hiện hành.

10. Xử lý nợ bị rủi ro

Việc xử lý nợ bị rủi ro được thực hiện theo quy chế xử lý nợ bị rủi ro của NHCSXH.

11. Tổ chức thực hiện

a) Công tác kế hoạch

Hàng năm, ngân hàng cơ sở lập kế hoạch nhu cầu vốn cho vay đối với chương trình tín dụng này gửi ngân hàng cấp trên theo các quy định hiện hành của NHCSXH.

b) Hạch toán kế toán và lưu giữ hồ sơ vay vốn

Việc hạch toán kế toán và lưu giữ hồ sơ vay vốn được thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH.

c) Chế độ báo cáo thống kê

Tổng Giám đốc sẽ thông báo mã đối tượng thụ hưởng cho chương trình này để làm cơ sở theo dõi và lập báo cáo kết quả cho vay của chương trình.

d) NHCSXH các cấp có trách nhiệm tổ chức tuyên truyền, phổ biến công khai nội dung Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg và tập huấn nghiệp vụ theo nội dung văn bản này tới cán bộ NHCSXH, cán bộ tổ chức chính trị-xã hội, Tổ trưởng Tổ TK&VV và cán bộ UBND cấp xã. Đồng thời báo cáo UBND và Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH cấp tỉnh, huyện để triển khai thực hiện.

Văn bản này có hiệu lực kể từ ngày ký. Giám đốc chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, báo cáo Tổng Giám đốc (qua Ban Tín dụng HSSV&CĐTCSK) xem xét, giải quyết./.

(Gửi kèm Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg ngày 26/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1150/QĐ-LĐTBXH ngày 09/9/2014 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội)

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các thành viên HĐQT NHCSXH;
- Các thành viên CGTV HĐQT NHCSXH;
- Trưởng BDD HĐQT NHCSXH các cấp;
- Hội LHPN VN;
- Hội ND VN;
- TW Đoàn TNCS HCM;
- Hội CCB VN;
- Tổng Giám đốc;
- Trưởng Ban Kiểm soát;
- Các Phó Tổng giám đốc;
- Kế toán trưởng NHCSXH;
- Sở Giao dịch, CN NHCSXH các tỉnh, TP;
- Các Ban CMNV tại Hội sở chính;
- Trung tâm Đào tạo, Trung tâm CNTT;
- Website NHCSXH;
- Lưu: VT, TDSV.

} để b/cáo

} để phối hợp thực hiện

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Lý

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29/2014/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 4 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về tín dụng đối với hộ gia đình

và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy,
người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế,
người bán dâm hoàn lương

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI	
ĐẾN	Số: 856... người điều trị
	Ngày: 29.4.2014
	Chuyên: Sinh. TGD
	Lưu: VT

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS) ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Phòng, chống ma túy ngày 09 tháng 12 năm 2000; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 01 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm ngày 17 tháng 3 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về tín dụng đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương.

Điều 1. Phạm vi áp dụng

Quyết định này quy định về cho vay vốn tạo việc làm đối với những đối tượng quy định tại Điều 2 Quyết định này, bao gồm: Đối tượng vay vốn, điều kiện vay vốn, trình tự thủ tục xác nhận đối tượng vay vốn, mức vốn và lãi suất cho vay, thời hạn cho vay, xử lý nợ bị rủi ro.

Điều 2. Đối tượng vay vốn

1. Cá nhân vay vốn

a) Người nhiễm HIV.

b) Người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.

c) Người bán dâm hoàn lương.

2. Hộ gia đình vay vốn

Là hộ gia đình có thành viên thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người nhiễm HIV/AIDS.
- b) Người sau cai nghiện ma túy.
- c) Người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế.
- d) Người bán dâm hoàn lương.

Điều 3. Điều kiện vay vốn

1. Cá nhân vay vốn

a) Điều kiện về nhân thân

- Đối tượng quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 2 của Quyết định này phải có Phiếu trả lời kết quả xét nghiệm HIV dương tính của cơ sở xét nghiệm đủ điều kiện khẳng định các trường hợp HIV dương tính.

- Đối tượng quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 2 của Quyết định này đã xong thời gian dò liều, có thời gian điều trị ổn định từ 3 tháng trở lên, có xác nhận của người phụ trách cơ sở điều trị.

- Đối tượng quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 2 của Quyết định này có xác nhận về việc không còn bán dâm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc người đứng đầu một trong các Tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương hoặc Chủ nhiệm Câu lạc bộ, Trưởng nhóm, Trưởng mạng lưới do các Tổ chức chính trị - xã hội hoặc Tổ chức xã hội có tư cách pháp nhân thành lập.

b) Cư trú hợp pháp và sinh sống ổn định tại địa phương nơi vay vốn.

c) Có phương án sản xuất, kinh doanh và có khả năng trả nợ vay theo cam kết.

d) Là thành viên Tổ Tiết kiệm và vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

đ) Sống một mình hoặc sống cùng con chưa đến tuổi lao động hoặc sống cùng bố, mẹ, vợ, chồng, con, ông, bà, anh, chị, em ruột nhưng những người này đã quá tuổi lao động hoặc không còn khả năng lao động theo quy định của pháp luật.

2. Hộ gia đình vay vốn

a) Hộ gia đình có thành viên quy định tại các điểm a, c, d Khoản 2 Điều 2 Quyết định này đáp ứng một trong những điều kiện quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này.

χ b) Hộ gia đình có thành viên quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 2 của Quyết định này phải có một trong các giấy tờ sau:

- Quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai tại nơi cư trú.

- Giấy xác nhận hoàn thành thời gian cai nghiện tại cơ sở cai nghiện bắt buộc.

- Giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc đã chấp hành thời gian cai nghiện tại gia đình, cộng đồng từ 3 tháng trở lên.

- c) Cư trú hợp pháp và sinh sống ổn định tại địa phương nơi vay vốn.
- d) Có phương án sản xuất, kinh doanh và có khả năng trả nợ vay theo cam kết.
- đ) Là thành viên Tổ Tiết kiệm và vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 4. Trình tự, thủ tục xác nhận đối tượng vay vốn

1. Cá nhân, hộ gia đình quy định tại Điều 2 của Quyết định này gửi đơn đăng ký vay vốn kèm giấy xác nhận quy định tại Điều a Khoản 1 Điều 3 và Điều b Khoản 2 Điều 3 đến Ủy ban nhân dân cấp xã. Thời điểm gửi đơn đăng ký vay vốn từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng.

2. Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc đăng ký vay vốn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xác nhận cá nhân, hộ gia đình đăng ký vay vốn thuộc đúng đối tượng vay vốn của Quyết định này và gửi cho Tổ trưởng Tổ Tiết kiệm và vay vốn nơi người vay sinh sống để kết nạp họ vào Tổ Tiết kiệm và vay vốn.

3. Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được danh sách có xác nhận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Tổ trưởng Tổ Tiết kiệm và vay vốn tiến hành kết nạp thành viên mới là cá nhân và hộ gia đình có trong danh sách do Ủy ban nhân dân cấp xã gửi và hướng dẫn họ làm thủ tục vay vốn theo hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 5. Mức vay và lãi suất cho vay

1. Mức cho vay căn cứ vào nhu cầu vay và khả năng trả nợ của từng cá nhân, hộ gia đình và không phải thế chấp nhưng không vượt quá mức cho vay theo quy định sau:

- a) Đối với cá nhân: Mức cho vay tối đa 20 triệu đồng/cá nhân.
- b) Đối với hộ gia đình: Mức cho vay tối đa 30 triệu đồng/hộ.
- c) Người vay có thể vay vốn nhiều lần nhưng tổng dư nợ không vượt quá mức dư nợ cho vay tối đa theo quy định này.

2. Trường hợp cá nhân, hộ gia đình quy định tại Điều 2 Quyết định này, nếu đồng thời là đối tượng được vay vốn từ các chương trình ưu đãi khác tại Ngân hàng Chính sách xã hội thì chỉ được xem xét cho vay một trong các chương trình ưu đãi đó.

3. Lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay hộ nghèo theo từng thời kỳ do Chính phủ quy định.

4. Lãi suất nợ quá hạn được tính bằng 130% lãi suất cho vay.

Điều 6. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay tối đa là 60 tháng. Thời hạn cụ thể do Ngân hàng Chính sách xã hội và cá nhân, hộ gia đình vay vốn thỏa thuận phù hợp với chu kỳ sản xuất, kinh doanh và khả năng trả nợ của khách hàng.

Trong giai đoạn thí điểm (2014 - 2016), áp dụng thời hạn cho vay tối đa là 36 tháng.

Điều 7. Mục đích vay vốn

1. Mua sắm các loại vật tư, vật nuôi, thức ăn gia súc gia cầm, công cụ lao động, hàng hóa, phương tiện phục vụ kinh doanh, buôn bán.

2. Đầu tư làm các nghề thủ công trong hộ gia đình như: Mua nguyên vật liệu sản xuất, công cụ lao động, máy móc, thiết bị.

3. Góp vốn thực hiện phương án sản xuất, kinh doanh với cá nhân, tổ chức khác.

Điều 8. Xử lý nợ bị rủi ro

Đối tượng vay vốn được xử lý nợ bị rủi ro theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 9. Nguồn vốn cho vay

Vốn cho vay được bố trí từ ngân sách nhà nước theo kế hoạch hàng năm và các nguồn huy động hợp pháp khác.

Điều 10. Phạm vi và thời gian thực hiện

1. Từ năm 2014 - 2016, thực hiện thí điểm tại 15 tỉnh, thành phố.

2. Từ năm 2017 triển khai mở rộng trên phạm vi toàn quốc.

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch nguồn vốn hàng năm để cho vay đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 của Quyết định này và các chương trình tín dụng chính sách khác trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Hướng dẫn quy trình và thủ tục cho vay bảo đảm đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện; thực hiện cho vay vốn, thu hồi nợ, hướng dẫn gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, xử lý nợ bị rủi ro theo quy định.

c) Hướng dẫn chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội trong toàn quốc triển khai thực hiện theo đúng quy định.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm:

Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành có liên quan trong việc kiểm tra, giám sát, đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

3. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

a) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ về nguồn vốn từ ngân sách Trung ương dành cho Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay các đối tượng quy định tại Điều 2 của Quyết định này và các chương trình tín dụng chính sách khác.

b) Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, ngành có liên quan trong việc kiểm tra, giám sát, đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm:

Chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính xây dựng kế hoạch bố trí ngân sách hàng năm cho hoạt động vay vốn đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Quyết định này, báo cáo Chính phủ xem xét và trình Quốc hội quyết định.

5. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm:

a) Lập danh sách 15 tỉnh, thành phố thực hiện thí điểm làm cơ sở cho Ngân hàng Chính sách xã hội triển khai thực hiện.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành có liên quan trong việc kiểm tra, giám sát, đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

c) Hàng năm, đánh giá kết quả, hiệu quả cho vay vốn, hướng dẫn, điều chỉnh và trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

6. Các Bộ, ngành có liên quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp để triển khai thực hiện Quyết định này.

7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo các cơ quan chức năng, Ủy ban nhân dân cấp dưới phối hợp với các Tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương và Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện Quyết định này.

b) Định kỳ hàng năm thống kê, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội nhu cầu vay vốn và kết quả cho vay vốn đối với cá nhân, hộ gia đình có người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương trên địa bàn.

Điều 12. Hiệu lực thi hành

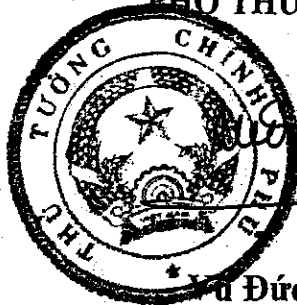
1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2014.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KGVX (3b). **140**

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Yêu Đức Đam

Số: 1150/QĐ-LĐTBXH

Hà Nội, ngày 9 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách 15 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm về tín dụng đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương theo Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

ĐẾN

Số: ... 1233 ...

Ngày: 15.9.2014

Chuyên: ...

Lưu: ...

TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương (Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg);

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách 15 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện thí điểm Quyết định số 29/2014/QĐ-TTg giai đoạn 2014-2016 (danh sách kèm theo).

Điều 2. Giao Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội chủ trì phối hợp với các đơn vị của các Bộ, ngành có liên quan và 15 tỉnh, thành phố thực hiện Quyết định này.

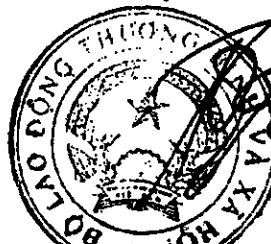
Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Cục trưởng Cục phòng, chống tệ nạn xã hội, Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch-Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội 15 tỉnh, thành phố có danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để b/c);
- Như Điều 4;
- UBTWMTQVN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan: Kế hoạch và Đầu tư, Tài Chính, Công an, Y tế, NHNNVN, NHCSXH;
- UBND 15 tỉnh, thành phố thí điểm;
- Lưu VT, Cục PCTNXH.

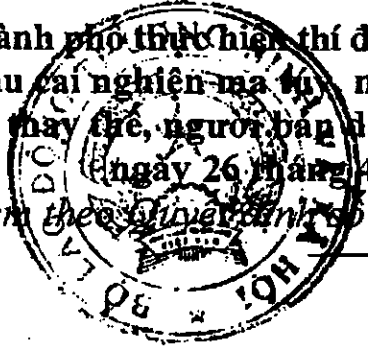
BỘ TRƯỞNG



Phạm Thị Hải Chuyền

DANH SÁCH

15 tỉnh, thành phố thực hiện thí điểm về tín dụng đối với hộ gia đình và người nhiễm HIV, người sau cai nghiện ma túy, người điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế, người bán dâm hoàn lương theo Quyết định 29/2014/QĐ- TTg ngày 26 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ
(Kèm theo Quyết định số 1150/QĐ-LĐTBXH ngày 9 tháng 9 năm 2014)



1. Tỉnh Điện Biên
2. Tỉnh Sơn La
3. Tỉnh Lào Cai
4. Tỉnh Hòa Bình
5. Thành phố Hà Nội
6. Thành phố Hải Phòng
7. Tỉnh Thanh Hóa
8. Tỉnh Nghệ An
9. Thành phố Đà Nẵng
10. Tỉnh Quảng Nam
11. Tỉnh Đắk Lắk
12. Thành phố Hồ Chí Minh
13. Thành phố Cần Thơ
14. Tỉnh Hậu Giang
15. Tỉnh Bạc Liêu